

Họ và tên: _____

Ngày ____ tháng ____ năm _____

Bài Tập Tại Nhà #1 (Homework #1)

Ghi Chú (Note):

Xin phụ huynh vui lòng giúp các em ôn bài và làm bài ở nhà.

Parents, please help your child study and doing homework.

1. Em hãy học thuộc lòng bảng chữ cái
Memorize the alphabet

A Ă Â B C D Đ E Ê G H I K L M N
O Ô Ở P Q R S T U Ư V X Y

2. Em hãy làm bài tập đính kèm, một ngày làm hai trang. Rán cố gắng làm mỗi ngày (từ thứ hai cho tới thứ sáu)
Do the attached package, do two pages per day (from Monday to Friday)

Bài 1: Dấu

Thứ Hai: Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: a, cờ-a-ca-sắc-cá, cá.)

a

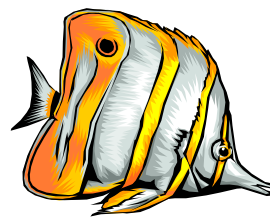
(a)

c-á

(cờ-a-ca-sắc-cá)

cá

(cá)



a

(a)

l-á

(lờ-a-la-sắc-lá)

lá

(lá)



e

(e)

b-é

(bờ-e-be-sắc-bé)

bé

(bé)



ê

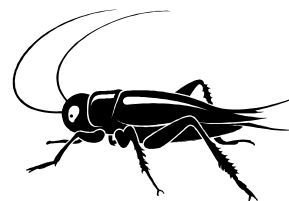
(ê)

d-ê'

(dờ-ê-dê-sắc-dé)

dê'

(dê)



i

(i)

b-í

(bờ-i-bi-sắc-bí)

bí

(bí)



ô

(ô)

b-ô'

(bờ-ô-bô-sắc-bố)

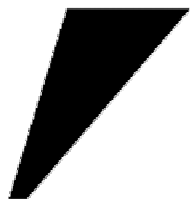
bô'

(bố)

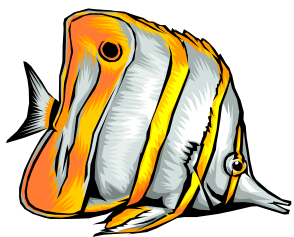


Bỏ Dấu

(Đọc các từ ở trang P-1 phần Phụ Lục của sách học cho các em bỏ dấu.)



sắc



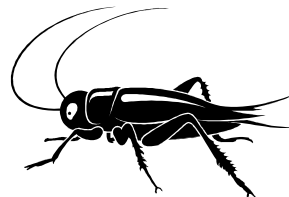
ca



la



be



dê



bi



bô

Thứ Ba: Đánh vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: o, bò-o-bo-huyền-bò, bò.)

o

(o)

b-ò

(bờ-o-bo-huyền-bò)

bò

(bò)



o

(o)

c-ò

(cờ-o-co-huyền-cò)

cò

(cò)



a

(a)

c-à

(cờ-a-ca-huyền-cà)

cà

(cà)



u

(u)

d-ù

(dờ-u-du-huyền-dù)

dù

(dù)



ê

(ê)

h-ê

(hờ-ê-hê-huyền-hề)

hề

(hề)



ư

(ư)

tr-ừ

(trờ-ư-trư-huyền-trừ)

trừ

(trừ)

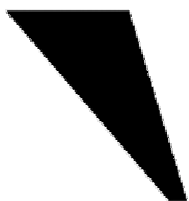
7

-3

4

Bỏ Dấu

(Đọc các từ ở trang P-1 phần Phụ Lục của sách học cho các em bỏ dấu.)



huyền



bo



co



ca



du



hê

7
- 3
4

trư

Thứ Tư: Đánh vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: ô, tờ-ô-tô-hỏi-tô, tổ.)

ô

(ô)

t-ô[?]

(tờ-ô-tô-hỏi-tô)

tô[?]

(tô)



ô

(ô)

r-ô[?]

(rờ-ô-rô-hỏi-rô)

rô[?]

(rô)



u

(u)

t-ủ[?]

(tờ-u-tu-hỏi-tủ)

tủ[?]

(tủ)



ê

(ê)

b-ê[?]

(bờ-ê-bê-hỏi-bê)

bê[?]

(bê)



a

(a)

v-ả[?]

(vờ-a-va-hỏi-vả)

vả[?]

(vả)



i

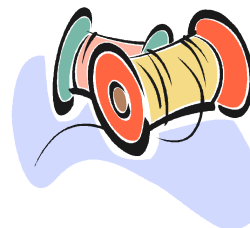
(i)

ch-ỉ[?]

(chờ-i-chi-hỏi-chỉ)

chỉ[?]

(chỉ)



Bỏ Dấu

(Đọc các từ ở trang P-1 phần Phụ Lục của sách học cho các em bỏ dấu.)

? hỏi



tô



rô



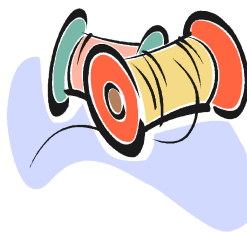
tu



bê



va



chi

Thứ Năm: Đánh Vân

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *u, m-ô-u-mu-ngã-mũ, mũ.*)

u

(*u*)

m-ũ

(*m-ô-u-mu-ngã-mũ*)

mũ

(*mũ*)



u

(*u*)

h-ũ

(*h-ô-u-hu-ngã-hũ*)

hũ

(*hũ*)



e

(*e*)

v-ẽ

(*v-ô-e-ve-ngã-vẽ*)

vẽ

(*vẽ*)



ơ

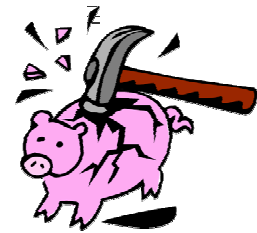
(*ơ*)

v-õ

(*v-ô-ơ-vơ-ngã-võ*)

võ

(*võ*)



ê

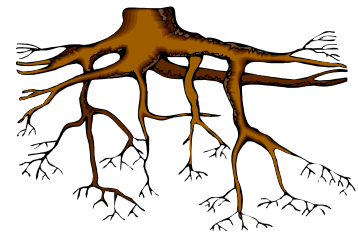
(*ê*)

r-ê

(*r-ô-ê-rê-ngã-rê*)

rê

(*rê*)



ô

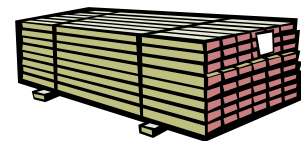
(*ô*)

g-ô

(*g-ô-ô-gô-ngã-gô*)

gô

(*gô*)



Bỏ Dấu

(Đọc các từ ở trang P-1 phần Phụ Lục của sách học cho các em bỏ dấu.)

~ ngã



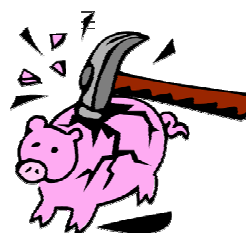
mu



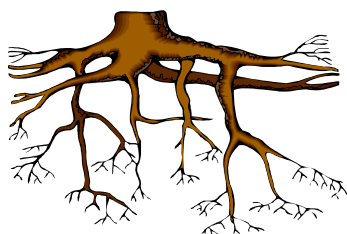
hu



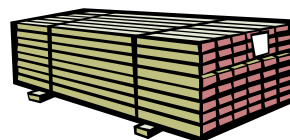
ve



vo'



rê



gô

Thứ Sáu: Đánh vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: e, m-ẹ-me-nặng-mẹ, mẹ.)

e

(e)

m-ẹ

(mờ-e-me-nặng-mẹ)

mẹ

(mẹ)



e

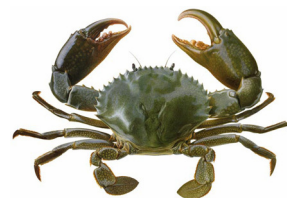
(e)

gh-ẹ

(gờ-e-ghe-nặng-ghe)

ghe

(ghe)



ê

(ê)

k-ê

(cờ-ê-kê-nặng-kê)

kê

(kê)



o

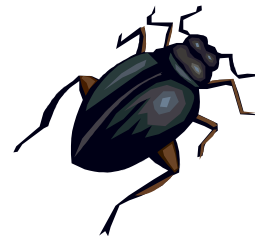
(o)

b-ọ

(bờ-o-bo-nặng-bọ)

bọ

(bọ)



u

(u)

v-ụ

(vờ-u-vu-nặng-ụ)

vụ

(vụ)



i

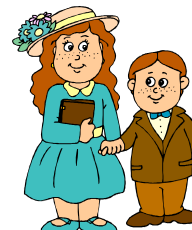
(i)

ch-ị

(chờ-i-chi-nặng-chị)

chị

(chị)



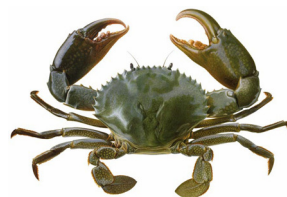
Bỏ Dấu

(Đọc các từ ở trang P-1 phần Phụ Lục của sách học cho các em bỏ dấu.)

● nặng



me



ghe



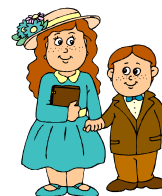
kê



bo



vu



chi

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____